

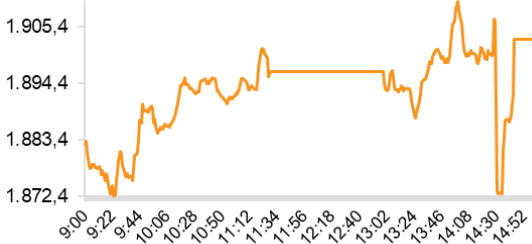
KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

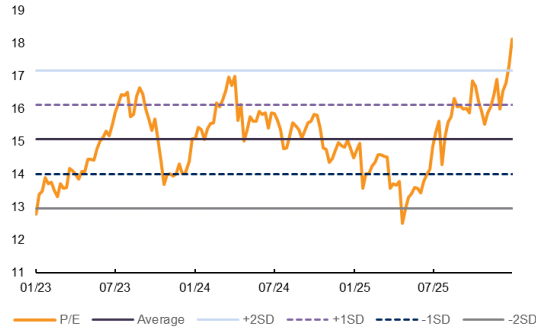
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.902,9	252,9	123,2
1 ngày (%)	1,4	0,4	0,6
1 tháng (%)	15,5	1,1	3,3
Từ 2026	6,6	1,6	1,9
1 Năm (%)	54,0	15,1	33,6
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	8.717	401	658
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,6	2,4	1,0
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

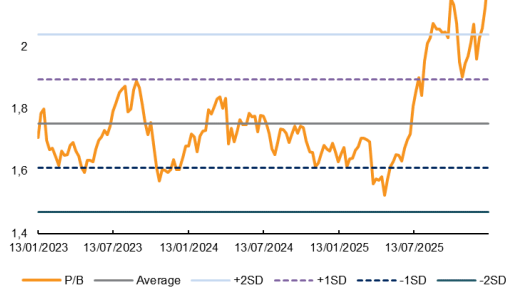
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

VN-Index vượt 1.900 điểm nhờ nhóm Vingroup dẫn dắt thị trường

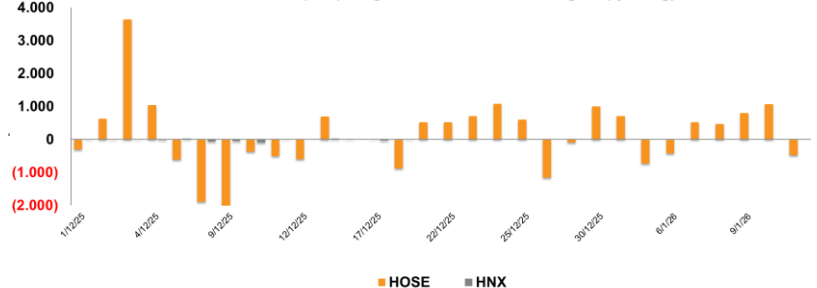
Thị trường ghi nhận nhịp tăng từ nửa đầu phiên và duy trì đà tích cực đến cuối phiên giao dịch, động lực đến từ sự trở lại của nhóm Vingroup cùng lực lan tỏa sang nhiều ngành lớn. Kết thúc phiên giao dịch, VN-index đóng cửa tại 1.902,93 điểm, tăng 25,60 điểm (+1,36%) Độ rộng thị trường nghiêng về tích cực với 203 cổ phiếu tăng và 131 cổ phiếu giảm điểm, phản ánh dòng tiền duy trì sự chủ động khi vượt ngưỡng 1.900 điểm.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.089,21 điểm, tăng 8,97 điểm (+0,43%); trong đó VN30 ghi nhận 15 cổ phiếu tăng và 13 cổ phiếu giảm điểm, cho thấy mức độ phân hóa trong nhóm vốn hóa lớn. Những cổ phiếu đóng góp tích cực cho thị trường chung phải kể đến VIC, VHM, PLX, GAS và SAB. Xét về nhóm ngành, dòng tiền duy trì tích cực tại các ngành nổi bật nổi bật như: Dầu khí (+6,88%), Dịch vụ tiện ích (+3,59%), Bất động sản (+2,10%) và Dịch vụ tài chính (+1,04%). Đáng chú ý nhóm Ngân hàng chỉ tăng nhẹ (+0,39%), cho thấy nhóm này đã có dấu hiệu hụt hơi sau thời gian tăng điểm vừa qua.

Thanh khoản khớp lệnh sàn HOSE đạt 40.024 tỷ đồng, tăng 1,57% so với phiên trước và cao hơn mức bình quân 20 phiên gần nhất. Mức thanh khoản hiện tại cho thấy dòng tiền vẫn duy trì tham gia tích cực, hỗ trợ cho đà tăng của chỉ số. Việc VN Index vượt và đóng cửa trên ngưỡng 1.900 điểm cho thấy thị trường đã xác nhận một bước bứt phá quan trọng; tuy nhiên, vẫn cần quan sát tính bền vững của nhịp tăng khi nhiều nhóm vẫn có độ phân hóa. Rủi ro ngắn hạn có thể xuất hiện nếu lực chốt lời ở các cổ phiếu đã tăng mạnh trong các phiên tới. Trong bối cảnh này, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cân nhắc việc chốt lời từng phần và chờ đợi cơ hội mua khi thị trường điều chỉnh và kiểm nghiệm lại vùng hỗ trợ bên dưới. Cụ thể, đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: 1) Thực hiện chốt lời ngắn hạn từng phần ở các cổ phiếu đã tăng mạnh; ưu tiên giảm tỷ trọng ở vị thế thanh khoản yếu. 2) Giữ phần danh mục còn lại để tận dụng nhịp hồi kỹ thuật; chỉ mua lại khi thị trường điều chỉnh rõ rệt và duy trì trên ngưỡng này. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: 1) Ưu tiên mua trong các nhịp điều chỉnh để giảm rủi ro thời điểm. 2) Tập trung mua cổ phiếu có nền tảng lợi nhuận rõ ràng và thanh khoản tốt.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,6	188,1	4,2	0,7	10,1	0,3	31,4	-17,8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,1	26,6	3,0	1,5	4,1	2,2	15,3	70,4
Năng lượng	2,2	36,7	1,8	6,8	43,9	26,3	17,4	22,4
Tài chính	39,6	12,8	2,0	0,6	19,0	12,7	43,5	15,4
Chăm sóc sức khỏe	0,5	24,4	2,8	0,0	4,4	0,6	8,1	-4,2
Công nghiệp	7,6	39,6	5,4	1,3	6,3	0,5	125,6	48,4
Công nghệ thông tin	2,1	18,7	4,5	-0,6	5,6	3,5	-20,2	5,9
Vật liệu xây dựng	5,6	16,7	1,8	1,2	11,9	10,4	18,4	7,7
Bất động sản	25,8	95,5	6,1	2,2	20,4	1,3	485,1	-22,0
Dịch vụ tiện ích	4,5	20,1	3,0	5,1	47,6	29,7	44,7	4,4

Mua/(bán) ròng của nhà đầu tư nước ngoài (tỷ đồng)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Mỹ: Tổng thống Trump tuyên bố bất kỳ quốc gia nào tiếp tục làm ăn với Iran sẽ phải chịu thuế quan 25%, áp dụng cho mọi giao dịch thương mại với Hoa Kỳ và với hiệu lực ngay lập tức, song chưa có tài liệu pháp lý chi tiết về thẩm quyền.
- Hàng hoá: Giá dầu phục hồi trong những phiên gần đây, với dầu Brent tăng 1,2% lên 64,6 USD/thùng và WTI tăng 1,16% lên gần 60,2 USD/thùng tính đến ngày 13/01, chủ yếu phản ánh phần bù rủi ro địa chính trị gia tăng liên quan đến căng thẳng tại Iran và nguy cơ gián đoạn nguồn cung khu vực.

Tin vĩ mô trong nước

- Trong Phiên họp thứ 5 Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản vào ngày 13/01/2026, Thủ tướng nhấn mạnh yêu cầu điều chỉnh chính sách nhà ở xã hội theo hướng bền vững để đáp ứng nhu cầu người dân.
- Chỉ số Niềm tin Kinh doanh (BCI) do EuroCham Việt Nam công bố Q4/25 đạt 80,0 điểm—mức cao nhất kể từ năm 2018, phản ánh niềm tin kinh doanh phục hồi rõ rệt, củng cố đánh giá Việt Nam là điểm đến đầu tư trung và dài hạn hấp dẫn đối với doanh nghiệp châu Âu.
- UOB (Singapore) sẽ trở thành ngân hàng nước ngoài đầu tiên khởi công trụ sở tại Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam ở TP. HCM, đồng thời thông báo đang tăng vốn điều lệ lên 10.000 tỷ đồng để nâng cao năng lực tài chính.

Tin ngành và doanh nghiệp

- **BID – BIDV dự kiến chào bán 9.000 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng:** Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV, mã BID) vừa thông báo kế hoạch chào bán tối đa 9.000 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng, chia làm 3 đợt, nhằm tăng quy mô vốn hoạt động, bổ sung vốn cấp 2 và phục vụ cho vay nền kinh tế.
- **TVS – Chứng khoán Thiên Việt hoàn tất phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tăng vốn điều lệ:** Chứng khoán Thiên Việt (TVS) vừa hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, qua đó tăng vốn điều lệ lên gần 2.244,4 tỷ đồng.
- **VIX – Tăng trưởng sau khi báo lãi quý IV gấp 11,5 lần so cùng kỳ:** Chứng khoán MB (MBS) ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong quý IV/2025, với lợi nhuận ròng đạt 308 tỷ đồng, tăng 86% so với cùng kỳ. Động lực tăng trưởng đến từ hoạt động cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) và mảng môi giới phục hồi rõ nét khi thanh khoản thị trường cải thiện.
- **ABB – Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 3.522 tỷ đồng, cổ phiếu ABB phát tín hiệu tái định vị:** ABB nổi lên như một điểm sáng khi thị giá duy trì xu hướng tăng bền vững. Động lực đến từ kết quả kinh doanh vượt trội, với lợi nhuận trước thuế đạt 3.522 tỷ đồng tính đến 31/12/2025, gần gấp đôi kế hoạch năm, tạo cơ sở cho kỳ vọng định giá lại cổ phiếu trong trung hạn.
- **SHS – Bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới, kỳ vọng lợi nhuận 2025 vượt kế hoạch 20%:** Công ty này công bố báo cáo tài chính quý IV/2025 với bức tranh kinh doanh tăng trưởng đột biến. Trong kỳ, tổng doanh thu hoạt động của công ty đạt 2.101 tỷ đồng, cao gấp gần 3 lần so với cùng kỳ năm trước, tương ứng mức tăng 286%.

Nổi bật nhất là khoản lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), đạt 1.664 tỷ đồng, tăng 361% so với quý IV/2024. Hoạt động cho vay cũng mang về 352 tỷ đồng tiền lãi, tăng 144%, trong khi doanh thu môi giới đạt 60 tỷ đồng, tăng 88% so với cùng kỳ.

Thị trường tiền tệ và hàng hóa

- Lãi suất liên ngân hàng (LSLNH) ngày 13/1 giao dịch tại mức 3,9% đối với kỳ hạn qua đêm và 4,45% đối với kỳ hạn 1 tuần. Mặc dù, lãi suất tăng nhẹ so với phiên trước đó nhưng đã hạ nhiệt đáng kể với hồi cuối tháng 12.
- Ngân hàng Nhà nước (NHNN) hút ròng phiên thứ sáu liên tiếp khi áp lực thanh khoản giảm, đưa số dư hợp đồng repo đang lưu hành trên OMO xuống còn 347 nghìn tỷ, thấp nhất trong khoảng hơn một tháng qua.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,55	0,2	10,4	9,0	46,8
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/ni)	3,93	7,7	-46,9	138,2	-19,8
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6,35	5,5	-12,8	-23,0	23,3
USD/VND	26.280	0,0	0,1	0,1	-3,4
DXY	98,91	0,1	0,5	0,6	-10,0
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,20	0,6	0,4	0,8	-12,1
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,61	0,7	1,0	2,1	-19,3

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4.598,40	-0,4	6,9	5,9	71,7
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	60,68	2,0	5,6	5,7	-23,0
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	65,06	1,9	6,4	6,9	-19,7
Thép (USD/tấn)	467,3	0,0	1,3	0,2	-6,7
Thịt heo (USD/kg)	1,8	0,2	11,5	1,3	-18,7
Gạo (USD/tấn)	453,1	0,1	1,3	4,1	-30,5
Phân urea (USD/tấn)	368,5	3,8	2,4	7,6	16,1

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba 13/01/2026	Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12.2025
Thứ Tư 14/01/2026	Mỹ	Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 11.2025
Thứ Năm 15/01/2026	Việt Nam	Đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 1.2026

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.525	2,5	3.512	55.200	73.300	33,8%	1,0%	18,6	3,0	17%
AST	127	0,0	5	74.000	85.400	18,8%	3,4%	14,7	5,2	38%
HVN	3.286	1,4	699	27.750	43.400	58,6%	2,2%	9,3	15,4	
VJC	4.019	17,0	906	195.000	113.600	-41,2%	0,5%	67,1	4,7	8%
Bán lẻ										
BAF	437	3,1	201	37.800	37.200	-1,6%		20,5	2,7	13%
DGW	366	2,8	99	43.450	49.600	15,3%	1,2%	18,0	2,9	17%
FRT	937	3,0	156	144.600	150.300	4,2%	0,2%	40,0	8,0	25%
MCH	8.384	3,8	2.917	169.900	147.000	-12,3%	1,2%	31,5	13,8	44%
MWG	4.900	21,7	70	87.100	96.300	11,7%	1,1%	22,0	4,1	20%
PNJ	1.336	2,4	0	102.900	109.900	7,8%	1,0%	15,4	2,9	21%
QNS	641	0,2	261	45.800	53.400	18,8%	2,2%	7,4	1,4	20%
SAB	2.450	2,5	1.020	50.200	59.900	23,3%	4,0%	15,2	2,8	18%
VHC	500	2,1	403	58.600	71.300	25,1%	3,4%	8,4	1,3	17%
VNM	5.034	10,5	2.489	63.300	74.800	22,7%	4,5%	17,1	3,9	24%
Tài chính										
ACB	4.867	10,3	70	24.900	31.300	29,2%	3,5%	7,4	1,4	20%
BID	13.626	6,1	1.737	51.000	47.200	-6,6%	0,9%	13,5	2,2	18%
CTG	12.206	18,2	2.155	41.300	49.000	19,4%	0,8%	9,6	1,9	22%
HDB	5.419	22,7	202	28.450	34.900	24,9%	2,3%	8,9	2,0	25%
LPB	4.763	4,2	196	41.900	33.400	-14,3%	6,0%	12,1	2,9	25%
MBB	8.444	27,6	130	27.550	32.900	21,2%	1,8%	9,1	1,7	21%
STB	3.881	20,9	618	54.100	45.700	-14,4%	1,1%	8,3	1,6	22%
TCB	10.071	18,9	1	37.350	40.300	10,6%	2,7%	12,0	1,6	14%
TPB	1.889	7,5	95	17.900	17.800	4,8%	5,3%	7,6	1,2	17%
VCB	23.528	12,5	2.038	74.000	69.300	-5,7%	0,6%	17,6	2,8	17%
VIB	2.403	4,5	0	18.550	23.600	30,5%	3,3%	8,3	1,4	18%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	9.208	25,8	473	30.500	37.100	23,3%	1,6%	11,7	1,6	14%
Dệt may										
MSH	149	0,6	65	34.750	40.600	28,3%	11,5%	6,7	1,8	28%
TCM	116	1,4	2	27.150	29.800	11,6%	1,8%	11,8	1,3	11%
Khu công nghiệp										
BCM	2.702	1,0	865	68.600	68.600	1,5%	1,5%	19,4	3,3	18%
GMD	1.021	4,0	72	62.900	72.000	17,6%	3,2%	20,6	2,1	12%
HAH	375	4,9	86	58.300	55.400	-3,7%	1,3%	8,4	2,3	31%
VSC	313	8,0	146	21.950	19.100	-10,7%	2,3%	18,1	1,5	9%
IDC	570	3,1	213	39.500	45.600	19,2%	3,8%	8,1	2,3	31%
KBC	1.285	6,0	497	35.850	30.000	-15,3%	1,0%	19,1	1,4	7%
PHR	327	0,8	117	63.500	68.400	9,8%	2,1%	12,8	2,1	17%
VTP	533	3,1	235	115.000	129.200	13,3%	0,9%	47,5	8,0	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	912	11,6	390	63.100	128.300	108,1%	4,8%	8,1	1,5	20%
HPG	7.959	35,7	2.298	27.250	30.000	11,2%	1,1%	14,5	1,7	12%
Dầu khí										
BSR	3.992	7,2	1.908	20.950	16.700	-18,2%	2,1%	50,7	1,8	4%
GAS	9.521	4,2	4.456	103.700	78.400	-22,4%	2,0%	20,7	3,9	20%
OIL	492	0,6	30	12.500	14.800	20,4%	2,0%	39,6	1,2	3%
PLX	2.193	3,8	111	45.350	47.700	7,8%	2,6%	23,1	2,2	10%
PVD	642	8,7	245	30.350	32.600	15,7%	8,2%	18,8	1,0	6%
PVS	771	7,4	267	39.600	41.800	7,2%	1,7%	13,9	1,4	11%
PVT	376	2,6	144	21.050	23.400	12,2%	1,1%	10,1	1,2	12%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	631	3,5	290	24.400	23.300	-1,0%	3,5%	21,4	1,5	7%
DCM	718	2,8	324	35.650	40.000	17,8%	5,6%	10,9	1,8	17%
DDV	149	1,3	69	26.800	39.700	51,5%	3,4%	23,3	2,2	10%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	83	0,2	40	27.000	34.100	28,1%	1,9%	18,3	1,7	9%
Điện										
POW	1.704	5,0	766	14.600	14.400	-0,2%	1,1%	21,7	1,2	6%
Điện và BĐS										
HDG	380	3,5	113	27.000	37.400	40,0%	1,5%	28,8	1,5	5%
PC1	378	2,9	136	24.150	26.500			19,9	1,7	9%
REE	1.280	1,0	0	62.100	76.600	24,7%	1,4%	13,0	1,7	13%
Bất động sản										
DXG	686	12,9	169	16.200	18.300	25,3%	12,3%	39,7	1,3	3%
KDH	1.281	8,2	281	30.000	41.800	40,3%	1,0%	37,5	1,9	5%
NLG	571	3,4	35	30.950	42.200	37,8%	1,5%	16,1	1,3	9%
VHM	20.943	29,0	8.658	134.000	93.600			21,1	2,5	13%
VRE	2.901	16,6	1.007	33.550	32.000	-1,5%	3,1%	15,6	1,7	11%
Công nghệ										
FPT	6.411	29,7	624	98.900	118.200	20,5%	1,0%	18,7	4,7	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA